

Bản án số: 51/2025/HS-PT
Ngày: 18-4-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Huỳnh Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hoài T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoài T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 195/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Hoài T**, sinh ngày 01/12/1987, tại Long An; Nơi cư trú: khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961 và bà Lê Thị N, sinh năm 1965; Chồng Nguyễn Hồng P1, sinh năm 1981 (ly hôn) và có 01 con chung sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2024 đến ngày 22/11/2024 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Bị cáo có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Bị hại: Trung tâm y tế huyện Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Lê Văn X, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Thị Kim V, Ngô Thị Thủy T1, Lâm Thị Thùy T2, Nguyễn Thị Hiền M, Phan Văn T3, Hà Mộng D, Nguyễn Hữu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/10/2008, Nguyễn Hoài T được Trung tâm y tế huyện Đ, tỉnh Long An ký hợp đồng lao động, phân công nhiệm vụ: Ghi phiếu thu tiền tiêm ngừa, viện phí, thu khác, báo cáo thu, đăng nộp theo quy định, làm việc tại phòng Hành chánh tổng hợp - Trung tâm y tế huyện Đ. Đến ngày 05/5/2009, Sở y tế tỉnh L ra Quyết định số 213/QĐ-SYT về việc Công nhận chấm dứt thời gian tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức đối với Nguyễn Hoài T. Trung tâm y tế huyện Đ phân công Nguyễn Hoài T có nhiệm vụ là Kế toán thu phí, viện phí, đối chiếu danh sách thu phí viện phí hàng ngày và hàng tháng, phối hợp với kế toán trưởng để thực hiện nhiệm vụ, nộp tiền thu quỹ mỗi ngày. Cụ thể công tác được thực hiện như sau:

Đối với khách hàng đến Trung tâm y tế khám bệnh hoặc tiêm ngừa, bác sĩ ở phòng khám hoặc tiêm ngừa sẽ vào sổ theo dõi khám bệnh rồi ra phiếu chỉ định (tương ứng với yêu cầu khám bệnh hay tiêm ngừa của khách hàng) đưa cho khách hàng cầm qua quầy thu ngân để gặp T - cán bộ thu ngân để thu tiền;

Đối với việc cung cấp các dịch vụ y tế tại các công ty, thì công ty sẽ đến Trung tâm y tế làm hợp đồng. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên sẽ làm hợp đồng thanh lý. Căn cứ hợp đồng thanh lý đó, công ty sẽ đến Trung tâm y tế để đóng tiền cho T - bộ phận thu ngân. Căn cứ vào bảng giá được niêm yết tại Trung tâm, T sẽ lập, ký xác nhận tại Hóa đơn bán hàng và thu tiền của khách hàng, trong đó gồm 01 Hóa đơn lưu tại Trung tâm Y tế () và 01 Hóa đơn giao cho khách hàng (liên 2).

Theo quy định, mỗi kế toán mỗi ngày phải nhập thông tin theo dõi từng hóa đơn lên máy tính và cộng lại tiền ghi trên hóa đơn lại giao cho thủ quỹ, sổ hóa đơn lưu lại để phục vụ kiểm tra, báo cáo, đến hết năm thì lưu vào kho.

Ngày 28/5/2018, Trung tâm y tế huyện Đ ra Quyết định số 349/QĐ-TTYT về việc thành lập tổ kiểm tra tài chính tại đơn vị, tiến hành kiểm tra tại các bộ phận liên quan với mốc kiểm tra từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/5/2018. Thời gian kiểm tra từ ngày 28/5/2018 đến 07/8/2018.

Tại Kết luận số 565/KL-TTYT ngày 20/8/2018 của Trung tâm y tế huyện Đ, kết luận về việc kiểm tra tài chính đơn vị phát hiện sai phạm như sau:

“Bộ phận kế toán:

+ Kế toán T2: có ghi biên lai thu tiền nhưng không đưa vào báo cáo nộp ngân sách nhà nước, số tiền 80.000đồng, vi phạm khoản 3, điều 13 Luật Kế toán năm 2015.

+ Kế toán T1: có ghi biên lai thu tiền nhưng không đưa vào báo cáo nộp ngân sách nhà nước, số tiền 393.300đồng, vi phạm khoản 3, điều 13 Luật Kế toán năm 2015.

+ Kế toán T: không dùng bút mực để ghi chứng từ kế toán, nội dung trên biên lai lưu và biên lai giao khách hàng không giống nhau vi phạm khoản 3, khoản 4 điều 18 Luật Kế toán 2015. Đồng thời, ghi biên lai thu tiền nhưng để

ngoài sổ kế toán không đưa vào báo cáo nộp ngân sách nhà nước, vi phạm khoản 3 điều 13 Luật Kế toán 2015 và khoản 1 điều 18 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015. Số tiền cá nhân chiếm dụng gây thất thoát ngân sách nhà nước là: 100.250.000đồng. Trong quá trình bảo quản biên lai, kế toán T đã làm mất 02 biên lai (19652, 19653), vi phạm điều 41 Luật kế toán 2015.

+ Kế toán Cầm: Thông tin ghi trên sổ kế toán chưa đúng với chứng từ kế toán, số tiền gửi của công ty này lại ghi nhầm công ty khác, vi phạm khoản 3 điều 26 Luật, kế toán 2015. Vai trò kế toán trưởng, thiếu kiểm tra, giám sát dẫn đến sai một thời gian dài, vi phạm điều 55 Luật kế toán 2015.”

Ngày 23/5/2019, Sở y tế tỉnh L có Công văn số 1780/SYT-TTr về việc chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An, căn cứ vào “Tờ trình về việc xử lý sai phạm tài chính” số 976/TTr- TTYT ngày 13/12/2018 của Trung tâm Y tế huyện Đ, tỉnh Long An gửi đến Sở Y tế với nội dung:

“Ban Giám đốc và các tổ liên quan đã có cuộc họp để giải quyết các vấn đề tài chính. Kết quả cuộc họp:

Bà Nguyễn Hoài T: Kế toán thu phí, viện phí làm thất thoát 100.252.000 đồng (Một trăm triệu hai trăm năm mươi hai ngàn đồng) của đơn vị, cụ thể:

+ Tiền viện phí và đo môi trường nguồn thu Trung tâm y tế: 63.894.000 đồng.

+ Tiền viện phí và đo môi trường nguồn nộp vào kho bạc ngân sách: 36.358.000 đồng.”

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoài T khai nhận hành vi phạm tội như sau: Từ khi tiếp nhận công tác kế toán đến tháng 11 năm 2017, T lợi dụng sự sơ hở trong việc kiểm tra tài chính của đơn vị, nhiều lần chiếm đoạt tiền từ chi phí khám chữa bệnh do bệnh nhân và các công ty liên quan do T có trách nhiệm quản lý bằng các hình thức như: kê khai, quyết toán và nộp tiền hàng tháng ít hơn so với thực tế ghi nhận tại các hóa đơn số, không kê khai hóa đơn, hoặc kê khai sai giá trị thực tế của hóa đơn, cụ thể: T không báo cáo một số hóa đơn bán hàng vào báo cáo thu hàng ngày để chiếm đoạt tiền; làm báo cáo thu chi trong tháng ít hơn số tiền thực tế trong biên lai thu; xé bỏ những tờ biên lai lưu và không báo cáo việc mất lai đó để chiếm đoạt tiền trong biên lai; sử dụng một cây viết hết mực viết đè lên liên 1 (liên lưu) của hóa đơn bán hàng, để in (can) lên liên 2, giao liên 2 cho khách hàng, rồi dùng viết có mực ghi lại số tiền trên liên 1 ít hơn số tiền thực tế để chiếm đoạt tiền chênh lệch. Từ tháng 03 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017, T đã sai phạm 30 lần tại 32 hóa đơn, đã chiếm đoạt của Trung tâm y tế huyện Đ tổng số tiền 99.471.000 đồng. Cụ thể các lần vi phạm của T như sau:

Hóa đơn vi phạm vào tháng 03 năm 2017:

(1) Ngày 24/3/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S nộp tiền mặt số tiền 4.638.000 đồng cho Trung tâm y tế huyện Đ. Do kế toán Lâm Thị Thùy T2 bận việc riêng nên Nguyễn Hoài T được cử thu hộ tiền thay cho kế toán T2. Do có ý định chiếm đoạt số tiền trên nên khi lập hóa đơn, T sử dụng bút bi hết mực và

dùng giấy than kê ở dưới, viết đề lên liên 1 (Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0086882, mẫu số 01BLP2-001, ký hiệu 11AE-16P) để hiện chữ lên liên 2 nội dung: đo môi trường, đo dung môi hữu cơ, số tiền 4.638.000 đồng. Sau đó, T giao liên 2 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S. Đối với liên 1, T đã ghi không nội dung: “Thu của khách hàng tên Võ T T, địa chỉ: Đ, số tiền: 14.000 đồng”, rồi kê khai, quyết toán, nộp số tiền 14.000 đồng, T chiếm đoạt số tiền chênh lệch là 4.624.000 đồng.

Các lần vi phạm đối với các hóa đơn lập vào tháng 7 năm 2017:

(2) Ngày 06/7/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0004706, Quyền số 0095, với nội dung: “C, sinh năm: 1999, số tiền 80.000”. Thương thu tiền của khách hàng Lương Thị Cẩm G, giao liên 2 cho khách hàng, nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 80.000 đồng.

(3) Ngày 28/7/2017 T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0005619, Quyền số 0113, nội dung: "Nhã - H1 - N1 - T4", 320.000 đồng. Thương thu tiền của 04 khách hàng Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Quốc T4, Nguyễn Thị Bích N2, Nguyễn Ngọc H1, nhưng không đưa cho khách hàng liên 2 nên kẹp vào liên 1 để thể hiện hóa đơn bị hủy, chiếm đoạt 320.000 đồng.

(4) Ngày 28/7/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0005626, quyền số 0113, nội dung: "Thái Hồng Thanh 1985", số tiền: 80.000 đồng. Thương thu tiền của khách hàng Thái Hồng T5, nhưng không giao liên 2 cho khách hàng mà kẹp vào liên 1, thể hiện hóa đơn bị hủy, chiếm đoạt 80.000 đồng.

Các lần vi phạm đối với các hóa đơn lập vào tháng 8 năm 2017:

(5) Ngày 01/8/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0006201, quyền số 0125 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn C4, nội dung “Khám sức khỏe, tập huấn sơ cấp cứu, xe, số tiền 11.800.000 đồng”. Thương thu tiền, giao liên 2 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C4 nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 11.800.000 đồng.

(6) Ngày 07/8/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0009464, quyền số 0190, nội dung "Sơn Thái", số tiền 80.000 đồng. Thương thu của tiền của khách hàng Hồ Sơn T6, nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 80.000 đồng.

(7) Ngày 07/8/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 có nợ tiền thanh toán khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ tiền xe đưa rước, quan trắc môi trường. Thương nhờ Nguyễn Thị Kim V lập, ký 02 hóa đơn cho Công ty V1 gồm: Hóa đơn số 0006203, quyền số 0125, trên liên 01 của hóa đơn bán hàng thể hiện đối tượng mua hàng là xưởng sản xuất nhang Công ty TNHH V1, nội dung: khám sức khỏe định kỳ năm 2017 và hỗ trợ tiền xe đưa rước, số tiền 4.720.000 đồng và hóa đơn số 0008501, quyền số 0171, trên liên 01 của hóa đơn bán hàng thể hiện nội dung: Quan trắc môi trường công ty, hỗ trợ tiền xe, số tiền 2.000.000 đồng. Khi thu tiền, V đã chuyển tiền thu được và hóa đơn lại cho T nhưng T không kê khai, quyết toán và nộp tiền của hai hóa đơn số 0006203, quyền số 0125 và hóa đơn số 0008501 quyền số 0171, chiếm đoạt 6.720.000 đồng.

(8) Ngày 08/8/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0008502, quyền số 0171, nội dung: Quan trắc môi trường lao động, hỗ trợ tiền xe, số tiền 3.200.000 đồng. Thương thu tiền và giao liên 2 giao cho công ty Đ1, lưu liên 1 nhưng không kê khai, quyết toán hóa đơn, chiếm đoạt 3.200.000 đồng.

(9) Ngày 14/8/2017, T nhờ Nguyễn Thị M lập, ký hóa đơn số 0009998, quyền số 0200, thể hiện thu phí khám sức khỏe của khách hàng Nguyễn Thị T7, số tiền 196.000 đồng. Muội thu tiền, giao liên 2 cho khách hàng, đưa tiền và liên 1 lại cho T lưu nhưng T không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 196.000 đồng.

(10) Ngày 16/8/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0008553, quyền số 0172 thu tiền khám sức khỏe định kỳ của Công ty C5, tổng số tiền là 6.588.000 đồng. Khi lập hóa đơn, T sử dụng 01 cây bút bi hết mực, dùng giấy than kê ở dưới, sau đó viết đè lên liên 1 để hiện chữ lên liên 2 số tiền 6.588.000 đồng rồi giao liên 2 cho Công ty C5. Đối với liên 1, T ghi số tiền 2.000.000 đồng, để kê khai, quyết toán, nộp tiền số tiền: 2.000.000 đồng, T chiếm đoạt số tiền chênh lệch 4.588.000 đồng.

(11) Ngày 18/8/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0017539, Quyền số 0351, nội dung "My Thảo 1980 - Cúc" số tiền 392.000 đồng. Thương thu tiền của 02 khách hàng Lê Thị Mỹ T8, Lê Thị C1, nhưng không giao liên 2 cho khách hàng nhằm thể hiện hủy hóa đơn, chiếm đoạt 392.000 đồng.

(12) Ngày 21/8/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0018412, quyền số 0369, nội dung "Lê Anh T9 1995" số tiền 176.000 đồng. Thương thu của khách hàng Lê Anh T9 nhưng không giao liên 2, mục đích thể hiện hủy hóa đơn, chiếm đoạt 176.000 đồng.

Các lần vi phạm đối với các hóa đơn lập vào tháng 9 năm 2017:

(13) Ngày 05/9/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0010627, quyền số 0213, nội dung: "C", số tiền 80.000, T thu tiền của khách hàng Phạm Thị Cẩm L, giao liên 2 cho khách hàng, lưu liên 1 nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 80.000 đồng.

(14) Ngày 11/9/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0011106, quyền số 0223, nội dung: "Yên Nhi 1999", số tiền 80.000 đồng. Thương thu tiền của khách hàng Trần Thị Yên N3, giao liên 2 cho khách, lưu liên 1 nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 80.000 đồng.

(15) Ngày 13/9/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn T10 thanh toán số tiền 6.964.000 đồng cho phí dịch vụ “khám sức khỏe, xét nghiệm viêm gan A, XQ phổi tiền” tại Trung tâm Y tế. Thương thu tiền và lập hóa đơn số 0019755, quyền số 0396, T sử dụng bút bi hết mực và dùng giấy than kê ở dưới, viết đè lên liên 1 để hiện chữ lên liên 2, số tiền 6.964.000 đồng, giao liên 2 cho khách hàng. Sau đó, T viết lại liên 1 số tiền 5.684.000 đồng, chiếm đoạt số tiền chênh lệch 1.280.000 đồng.

(16) Ngày 18/9/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0019897, quyền số 0398, nội dung: “Trọng Nghĩa 1998” số tiền 80.000. Thương thu tiền của khách

hàng Nguyễn Trọng N4, giao liên 2 cho khách hàng, lưu liên 1 nhưng T không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 80.000 đồng

(17) Ngày 18/9/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0019898 quyền số 0398, nội dung: “Phước Lộc 1995” số tiền 80.000. Thương thu tiền của khách hàng Trần Phước L1, giao liên 2 cho khách hàng, lưu liên 1 nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt số tiền: 80.000 đồng.

(18) Ngày 18/9/2017, T trực tiếp thu tiền và lập 02 hóa đơn căn cứ theo hợp đồng số 482 ngày 21/8/2017, ký giữa Công ty D3 và Trung tâm Y tế huyện Đ, về việc khám sức khỏe, tổng số tiền theo hợp đồng là 27.400.000 đồng. Công ty thanh toán bằng hình thức nộp tiền mặt. T lập 02 hóa đơn gồm hóa đơn số 0006204, quyền số 0125, ngày 18/9/2017 giá trị: 18.920.000 đồng và hóa đơn số 0006206, quyền số 0125, ngày 19/8/2017 (do T ghi nhầm ngày, thực tế là ngày 18/9/2017), số tiền: 8.480.000 đồng. Thương giao liên 2 của cả 2 hóa đơn này cho Công ty D3, T lưu 02 liên 1 nhưng không kê khai, báo cáo, quyết toán, chiếm đoạt 27.400.000 đồng.

(19) Ngày 19/9/2017, T lập, ký xác nhận tại 02 hóa đơn số 0019652 và 0019653 quyền số 0394, căn cứ theo hợp đồng số 459/HĐ-TTYT ngày 08/8/2017, ký giữa Trung tâm Y tế huyện Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn N6, về việc khám sức khỏe định kỳ và tập huấn sơ cấp cứu cho công nhân công ty và biên bản số 515 ngày 19/9/2017 về việc thanh lý hợp đồng khám sức khỏe, công ty N6 tiến hành thanh toán số tiền 23.420.000 đồng, bằng tiền mặt. Tại 02 hóa đơn thương lập thể hiện lần lượt số tiền: 11.580.000 đồng và 11.840.000 đồng. Thương giao 02 liên 2 của hóa đơn 0019652 và 0019653 cho công ty N6. Lưu 02 liên 1 tại quyền số 0394 nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt số tiền 23.420.000 đồng. Đến khi có đợt kiểm tra tài chính, do sợ bị phát hiện hành vi vi phạm nên T đã xé bỏ liên 1 của 02 hóa đơn số 0019652 và 0019653.

(20) Ngày 27/9/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0012750, quyền số 256, nội dung: "Chi 1970 - M1", số tiền 160.000. Thương thu tiền của khách hàng Nguyễn Thị Tuyết M1 và Nguyễn Thị C2, nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 160.000 đồng.

(21) Ngày 27/9/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0012756, quyền số 256, nội dung: "Lê Thị Phương 1976", số tiền 80.000 đồng. T đã thu tiền của khách hàng Lê Thị P2, nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 80.000 đồng.

Các lần vi phạm đối với các hóa đơn lập vào tháng 10 năm 2017:

(22) Ngày 05/10/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0020202, quyền số 0405, đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn I, nội dung: đo môi trường, đo dung môi hữu cơ, số tiền 3.950.000 đồng. T đã giao liên 2 cho công ty I, lưu liên 1 nhưng không kê khai, báo cáo hóa đơn, chiếm đoạt 3.950.000 đồng.

(23) Ngày 09/10/2017, T nhờ Ngô Thị Thủy T1 lập, ký hóa đơn số 0020203, quyền số 0405 và thu tiền của công ty trách nhiệm hữu hạn T11, nội dung: “Đo môi trường, đo dung môi hữu cơ, số tiền 2.990.000 đồng”. T1 đã

chuyển tiền thu được và hóa đơn lại cho T, nhưng T không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt là 2.990.000 đồng.

(24) Ngày 16/10/2017, T nhờ người khác lập hóa đơn số 0020205, quyển số 0405, đối với công ty TNHH C6 K, T nhận tiền và ký xác nhận, nội dung hóa đơn: “Quan trắc môi trường lao động, số tiền 3.050.000 đồng”. Thương giao liên 2 cho công ty C6 K, lưu liên 1 nhưng không kê khai, báo cáo, quyết toán chiếm đoạt 3.050.000 đồng.

(25) Ngày 26/10/2017 T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0013413, quyển số 0269, nội dung: "Kiều Chinh 1988 – Muội" số tiền 498.000. Thương thu tiền của khách hàng Phan Thị Kiều C3 và Nguyễn Thị M. Thương giao liên 2 cho khách, lưu liên 1, nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 498.000 đồng.

(26) Ngày 18/10/2017 T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0021088, quyển số 0422, nội dung: "Huỳnh Như 1996", số tiền 104.000 đồng (Hóa đơn thu tiêm ngừa nên không ghi vào sổ khám sức khỏe). T đã thu tiền của khách hàng Huỳnh N5, giao liên 2 cho khách hàng lưu liên 1 nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 104.000 đồng.

Các lần vi phạm đối với các hóa đơn lập vào tháng 11 năm 2017:

(27) Ngày 02/11/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0013001, quyển số 0261, nội dung: "Khắc Điệp 1993" số tiền 125.000 đồng. T đã thu tiền của khách hàng Phan Khắc Đ, giao liên 2 cho khách, lưu liên 1, nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 125.000 đồng.

(28) Ngày 02/11/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0013002 quyển số 0261, nội dung: "Kim Liên 1978" số tiền 120.000. Thương thu tiền của khách hàng Nguyễn Thị Kim L2, giao liên 2 cho khách, lưu liên 1, nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 120.000 đồng.

(29) Ngày 22/11/2017 T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0022763, quyển số 0456, tại, nội dung: “Anh D1 1993” số tiền 120.000. T đã thu tiền của khách hàng Nguyễn Thị Ánh D1 nhưng không kê khai, quyết toán, chiếm đoạt 120.000 đồng.

(30) Ngày 20/11/2017, T lập, ký xác nhận hóa đơn số 0022134, quyển số 0443, nội dung: "Ng T Dung 1977", số tiền 249.000 đồng. Thương thu tiền của khách hàng Nguyễn Thị D2 nhưng không giao liên 2, mục đích thể hiện hủy hóa đơn, chiếm đoạt 249.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành giám định chữ ký của Nguyễn Hoài T tại các hóa đơn vi phạm đồng thời trưng cầu giám định đối với số mà T chiếm đoạt tại Trung tâm y tế huyện Đ.

Tại Kết luận giám định số 4916 ngày 18/12/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- Chữ viết trên 45 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A19, từ A21 đến A25, từ A27 đến A40, từ A45 đến A51; chữ viết đứng tên Nguyễn Hoài T dưới mục “người bán hàng” trên tài liệu ký hiệu A20 so với chữ viết dùng làm

mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Hoài T trên 05 tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký dưới mục “Người bán hàng” trên 45 tài liệu ký hiệu từ A1 đến A25, từ A27 đến A39, từ A45 đến A51; chữ ký đứng tên Nguyễn Hoài T trên 5 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A40 đến A44 so với chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Hoài T trên 05 tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “Người bán hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A26 so với chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Hoài T trên 5 tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 là không phải do cùng một người ký ra. (trường hợp này là chữ ký của Nguyễn Thị M, M lập hóa đơn số 0009998 dùm cho T).

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A20 (trừ chữ viết “Nguyễn Hoài T” dưới mục “người bán hàng”); chữ viết trên tài liệu ký hiệu A26 so với chữ viết dùng làm mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Hoài T trên 5 tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 là không phải do cùng một người viết ra. (tại mẫu A20 tương ứng với hóa đơn 0020205 do T nhờ người khác lập dùm hóa đơn, sau đó T nhận tiền và ký tên; tại mẫu A26 tương ứng với hóa đơn 0009998 do Nguyễn Thị M lập dùm cho T).”

Tại Kết luận số 1817/KLGD-GDDTPQĐ1519 ngày 02/05/2024 của Sở Tài chính tỉnh L, kết luận:

“d. Kết luận: Căn cứ hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền, hồ sơ, chứng từ được tiếp nhận nêu trên đối chiếu với quy định tại hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản có liên thuộc lĩnh vực tài chính và Sổ tổng hợp theo dõi khám sức khỏe được ghi tại phòng khám năm 2017; Báo cáo thu phí – viện phí năm 2017; Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017 của Trung tâm y tế huyện Đ, giám định viên tư pháp được phân công tại Quyết định số 1519/QĐ-STC ngày 08/4/2024 của Giám đốc Sở T kết luận số tiền thất thoát của Trung tâm y tế huyện Đ tại thời điểm ngày 30/11/2017, số tiền: 99.471.000 đồng (Chín mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng), cụ thể như sau:

“1. Đối chiếu số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng thu tiền viện phí so với số tiền kê khai, quyết toán, nộp (từ tháng 7/2017 đến ngày 30/11/2017): số tiền 3.349.000 đồng.

2. Chênh lệch giữa hóa đơn bán hàng so với sổ tổng hợp theo dõi khám sức khỏe được ghi tại phòng khám, số tiền 1.217.000 đồng.

3. Chênh lệch giữa hóa đơn bán hàng với số tiền kê khai, quyết toán, nộp đối với khoản thu phí đo môi trường, số tiền 15.190.000 đồng.

4. Ghi hóa đơn bán hàng nhưng không kê khai, quyết toán, nộp tiền cho Trung tâm y tế huyện Đ, số tiền 45.803.000 đồng.

5. Số tiền ghi nhận tại L và L2 2 hóa đơn bán hàng và biên lai ghi tiền phí, lệ phí không đúng, số tiền 33.912.000 đồng.”

Vật chứng thu giữ gồm:

- 86 quyển Hóa đơn bán hàng “viện phí” và 250 quyển Hóa đơn bán hàng “tiền nhà”

- 03 Sổ khám sức khỏe, gồm quyển 1, quyển 2, quyển 3.

Tại bản Cáo trạng số 186/CT-VKSDH ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Hoài T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 195/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoài T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, bị cáo Nguyễn Hoài T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 20/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị một phần Bản án về áp dụng hình phạt bổ sung, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoài T, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An sửa một phần bản án theo hướng bị cáo Nguyễn Hoài T phải chịu hình phạt bổ sung, không áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hoài T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tham ô tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoài T trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Hoài T có đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Hoài T kháng cáo có nộ bỏ sung ”Đơn xác định hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND thị trấn Đ, huyện Đ và phiếu kết quả xét nghiệm bệnh của bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy mức án 03 năm tù cấp sơ thẩm áp dụng là đã xem xét Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo xin hưởng án treo nhưng không đủ điều kiện hưởng án treo do bị cáo phạm tội hai lần trở lên và các lần phạm tội đều nghiêm trọng.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An theo hướng bị cáo Nguyễn Hoài T phải chịu hình phạt bổ sung, không áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 5, Điều 353 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung để cấm bị cáo đảm nhận nhiệm vụ kế toán sau khi chấp hành án xong là thiếu sót. Mặt khác, bị cáo được giấy khen của Chủ tịch UBND huyện Đ thì không thuộc trường hợp có thành tích xuất sắc trong công tác nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng điểm v, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355 và điểm c, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự, giữ nguyên án sơ thẩm về phần hình phạt chính đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 2 Điều 353; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 5, Điều 353 Bộ luật Hình sự, cấm bị cáo Nguyễn Hoài T làm nhiệm vụ kế toán trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Hoài T kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 340 và Điều 344 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp lời khai bị hại và phù hợp với

các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 03 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017, Nguyễn Hoài T là cán bộ chuyên môn kế toán, được phân công nhiệm vụ là Kế toán thu phí, viện phí tại Trung tâm y tế huyện Đ, tỉnh Long An. Quá trình làm việc, bị cáo T lợi dụng sơ hở trong việc kiểm tra tài chính của đơn vị, nhiều lần chiếm đoạt tiền thu phí, viện phí do T có trách nhiệm quản lý bằng các hình thức như: thu không nộp, thu nhiều nộp ít, kê khống số phiếu, sửa số tiền trên hóa đơn để chiếm đoạt tổng số tiền 99.471.000 đồng. Trong đó, bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt tại 32 hóa đơn, với 10 lần chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản", do bị cáo có hành vi thực hiện trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực (1/7/2017) và có hành vi thực hiện sau thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực nên cấp sơ thẩm truy tố bị cáo T theo quy định tại khoản 2, Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực để có lợi cho bị cáo là phù hợp.

[3] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoài T như sau: Bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đúng quy định pháp luật.

[4] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:

Xét thấy, cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 5, Điều 353 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung để cấm bị cáo đảm nhận nhiệm vụ kế toán sau khi chấp hành án xong là thiếu sót. Ngoài ra, bị cáo được giấy khen của Chủ tịch UBND huyện Đ thì không thuộc trường hợp có thành tích xuất sắc trong công tác nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng điểm v, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là không có căn cứ. Vì vậy, Kháng nghị số 09/QĐ-VKSLA ngày 20/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Hoài T kháng cáo có nộp bổ sung "Đơn xác định hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND thị trấn Đ, huyện Đ ngày 06/4/2025 và phiếu kết quả xét nghiệm bệnh lý của bị cáo ngày 02/4/2025. Đơn xin giảm án của Trung tâm Y tế huyện Đ ngày 24/10/2024. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Đối với việc bị cáo xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội tham ô tài sản với tình tiết định khung khoản 2, Điều 353 Bộ luật Hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Điều 353 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt thấp nhất từ 02 năm đến 07 năm tù là tội phạm nghiêm trọng nên bị cáo T không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 (sửa đổi Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018). Do đó,

Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về việc không cho bị cáo T hưởng án treo.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoài T. Sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 353 Bộ luật Hình sự, cấm đảm nhiệm nhiệm vụ kế toán đối với bị cáo, sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Hoài T không chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận Kháng nghị số 09/QĐ-VKSLA ngày 20/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoài T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 195/2024/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần áp dụng điều luật và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoài T.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoài T phạm tội “Tham ô tài sản”

Áp dụng khoản 2 và khoản 5, Điều 353; Điều 38; Điều 50; điểm b và s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo T chấp hành hình phạt tù.

Cấm bị cáo Nguyễn Hoài T chức vụ kế toán trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Hoài T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện huyện Đức Hòa;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- CQĐT Công an khu vực Đức Hòa;;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh